

**CÔNG TY TNHH MAY MẶC ĐK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAY MẶC ĐK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DK GARMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DK GARMENT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702882968

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 Huỳnh Thị Tươi, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                   | 1410(Chính) |
| 2.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                     | 1311        |
| 3.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                            | 1312        |
| 4.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                          | 1313        |
| 5.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                          | 1391        |
| 6.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                           | 1392        |
| 7.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                         | 1393        |
| 8.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                | 1394        |
| 9.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn, Sản xuất đồ tĩa trang trí: | 1399        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                 | 1420        |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                             | 1430        |
| 12. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                    | 1511        |
| 13. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                   | 1512        |
| 14. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                               | 1520        |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                                                                                                                 | 4649        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Bán buôn giấy các loại. Bán buôn nhựa và các sản phẩm từ nhựa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động) | 4669 |
| 19. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4782 |
| 20. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4751 |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4771 |
| 22. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1811 |
| 23. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa, môi giới hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4610 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3319 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7730 |
| 29. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3312 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN ĐĂNG KHOA**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **26/04/1984**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Hộ chiếu Việt Nam**

Số giấy chứng thực cá nhân: **B4173613**

Ngày cấp: **02/06/2010**

Nơi cấp: **Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 2 Huỳnh Thị Tươi, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Số 2 Huỳnh Thị Tươi, Phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương**